

Minh Hóa, ngày tháng 7 năm 2023

Số: /TB-BV
V/v báo giá dịch vụ tư vấn

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực y tế

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa (có đính kèm thông báo);

Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu tư vấn thuộc Dự án: Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa.

Bằng văn bản này, Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa kính mời các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực y tế gửi báo giá dịch vụ tư vấn cho các gói thầu tư vấn của dự án trên bao gồm những nội dung sau:

- Báo giá dịch vụ tư vấn Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT; Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa

- Hồ sơ năng lực của nhà thầu có đầy đủ: hồ sơ pháp lý; hợp đồng tương tự đã thực hiện các công việc tương tự; nhân sự có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

- Hồ sơ tham gia gói thầu tư vấn xin vui lòng gửi về địa chỉ:

+ Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa

Tổ dân phố 7, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng và bản mềm PDF (đã đóng dấu và gửi qua email: *benhviendakhoahuyenminhhoa@gmail.com*).

Hạn cuối nhận hồ sơ năng lực tham gia gói thầu tư vấn đến hết 17 giờ 00 phút ngày 12/7/2023 (tính theo dấu bưu điện).

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Website BV, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 1785/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023” của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

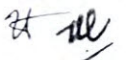
Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh về việc trích từ nguồn “Mua sắm thiết bị y tế - Sự nghiệp y tế” thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 để cấp kinh phí cho các Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế;

Xét đề nghị của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa tại Tờ trình số 482/TTr-BV ngày 29/6/2023 về việc thẩm định dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa” kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 29.6/2023/TĐG-CPAHN ngày 29/6/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội;



Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 2110/BC-STC ngày 29/6/2023 về việc phê duyệt Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự toán mua sắm “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán mua sắm “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023” của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa với các nội dung sau:

- Tên dự toán: Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa.
- Bên mời thầu: Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa.
- Tổng dự toán mua sắm: **3.085.898.000 đồng** (Ba tỷ không tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó:
 - + Chi phí mua sắm trang thiết bị: 3.038.000.000 đồng
 - + Chi phí thẩm định giá: 26.668.000 đồng
 - + Chi phí khác: 21.230.000 đồng.
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2023.
- Thời gian thực hiện: Năm 2023.
- Địa điểm, quy mô dự toán: Tại Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023” của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

Điều 3. Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ An Phong

Phụ lục 1
CHI TIẾT DỰ TOÁN

Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa
(Kèm theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy siêu âm tổng quát (3 đầu dò: convex, linear, tìm người lớn)	<p>a) Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Năm sản xuất: 2022 trở về sau- Chất lượng: Mới 100% chưa sử dụng- Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz- Môi trường hoạt động: Nhiệt độ 10 – 40°C; Độ ẩm 30 -75%- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương- Có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, các giấy tờ hải quan <p>b) Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính: 01 máy gồm+ Màn hình chính : ≥ 21 inch: 01 cái+ Màn hình phụ điều khiển Menu ≥10 inch: 01 cái+ Phần mềm hỗ trợ kết nối: 01 bộ+ Bộ xuất tín hiệu Video hỗ trợ máy in ngoài: 01 bộ- Bộ phần mềm kèm máy: 01 bộ gồm+ Phần mềm siêu âm chuyên tim+ Phần mềm siêu âm mạch máu dòng chảy+ Phần mềm đo góc tự do trong+ Phần mềm đo độ dày nội mạc tự động+ Phần mềm siêu âm bụng tổng quát, thận, tiết niệu, vú, tuyến giáp, phần nhỏ, mạch máu, mạch ngoại vi- Các đầu dò:+ Đầu dò Convex thăm khám bụng tổng quát: 01 bộ	Chiếc	01	1.274.000.000	1.274.000.000

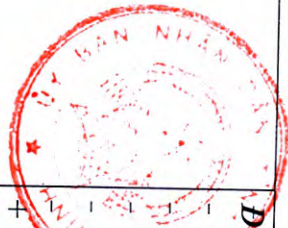
TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<p>Tính năng thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đầu dò Linear thăm khám mạch máu, mạch ngoại vi, tuyến giáp, vú: 01 bộ + Đầu dò tìm người lớn: 01 bộ - Bộ thiết bị phụ trợ: Tối thiểu gồm + Máy tính để bàn nguyên bộ 01 bộ + Máy in đen trắng khổ giấy A4: 01 bộ + UPS online $\geq 1\text{KVA}$: 01 cái + Máy in phun màu 01 cái + Bàn ghế để đặt máy tính: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ. <p>c) Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất âm 0 đến 100 %, bước 5% - Chức năng cài đặt sẵn ≥ 100 loại (tối đa 25 loại / 1 đầu dò) - Cài đặt nhanh: Các thông số đều chỉnh hình ảnh (độ khuếch đại, tần số, độ sâu) - Tự động dán nhãn chú giải: ≥ 800 từ - Chức năng cài đặt sẵn được khởi động cùng lúc với ID - Có thể đánh dấu cơ thể - Điều khiển menu: Bảng điều khiển cảm ứng màu LCD ≥ 10 inch - Cổng cắm đầu dò quét điện tử: ≥ 4 - Dữ liệu đầu vào/đầu ra: USB 2.0 ≥ 5 kênh - Mạng : LAN (có dây, không dây) - Màn hình ≥ 21 inch LCD độ phân giải tối thiểu 1600x600 + Có thể nghiêng và xoay + Có thể điều chỉnh độ cao cùng với Panel điều khiển 				

Handwritten signature



<ul style="list-style-type: none">* Các phương pháp quét: Tối thiểu có<ul style="list-style-type: none">+ Quét rẽ quạt lối điện từ+ Quét tuyến tính điện từ+ Quét rẽ quạt pha điện từ* Các chế độ hoạt động: Tối thiểu có<ul style="list-style-type: none">- Kiểu B- Kiểu 2 bình diện (Biplane)- Kiểu M- Kiểu D: phổ Doppler- Kiểu Doppler đôi- Kiểu dòng chảy màu- Kiểu Doppler năng lượng (Doppler năng lượng theo hướng)- Kiểu dòng chảy màu độ phân giải cao (Kiểu dòng chảy màu độ phân giải cao theo hướng)* Kiểu hiển thị hình ảnh:<ul style="list-style-type: none">- Kiểu B: hình ảnh thang xám hoặc tương đương- Kiểu 2B, 4B- Kiểu M- Kiểu B và M, B và D- phổ D: Doppler (PW, HPRF PW, CW)- Kiểu B (Color Flow, power Doppler, e FLOW)- Kiểu 2B (Color Flow, power Doppler, e FLOW)- Kiểu 4B (Color Flow, power Doppler, e FLOW)- Kiểu M (Color Flow, power Doppler, e FLOW)- Kiểu B (Color Flow) và M (Color Flow)- Kiểu B (Color Flow, power Doppler, e FLOW) và M (Color Flow, power Doppler, e FLOW)- Kiểu B (Color Flow, power Doppler, e FLOW) và D- Kiểu B (Color Flow, power Doppler, e FLOW) và Dual Gate Doppler- Kiểu Triplex: B (Color Flow, power Doppler, e FLOW) và D hiển thị đồng thời theo thời gian thực				
--	--	--	--	--


TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<p>Tính năng thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu B và B (Color Flow, power Doppler, e FLOW) hiển thị đồng thời theo thời gian thực (Dual CF) - Hiển thị động năng quay chậm - Quan sát Panoramic - Chế độ trigger từng con - TDI (Hình ảnh Doppler mô) - Biplane thời gian thực * Cơ chế tạo tia: <p><u>Truyền</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sóng xung kết hợp - Truyền sóng lập trình trước <p><u>Nhận:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chùm tia số tốc độ cao bộ chuyển đổi A/D ≥ 12 bit (≥ 4090 mức thang xám) - Tần số lấy mẫu A/D: 40 MHz - Xử lý song song: đa hướng <p><u>Phương pháp truyền/tiếp nhận hài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số tiếp nhận: $\leq 3.2 - \geq 18.0$ MHz (phụ thuộc đầu dò) <p><u>Công nghệ thích ứng mô</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tốc độ âm thanh: ≥ 20 bước <p><u>Hội tụ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền: Tập trung truyền lên đến ≥ 4 trong 16 giai đoạn (phụ thuộc đầu dò) - Nhận: PixelFocus - Dải động hệ thống: ≥ 270 dB - Số kênh xử lý: ≥ 574970 kênh - Tốc độ khung hình: Tối đa hơn 650 khung hình/ giây (tùy thuộc đầu dò và các cài đặt khác) 				




Đặc tính kỹ thuật Mode B

- Miền thị mức thang xám: ≥ 250 mức
 - Vùng quét: bước 1 độ
 - Mật độ dòng: ≥ 8 bước
 - Tốc độ khung hình HI (xử lý đa song song)
 - Thu phóng hình ảnh
 - + Thu phóng (hình ảnh thời gian thực)
 - + Thu phóng (hình ảnh thời gian thực và ảnh tĩnh)
 - Lựa chọn thang độ sâu: Từ ≤ 5.0 đến ≥ 40 cm
 - Có thể đảo chiều dọc hoặc ngang
 - Có thể xoay 90°
 - Độ khuếch đại: ≥ 80 dB
 - Tăng cường âm dội: ≥ 8 bước
 - Làm nhẵn/tăng cường: ≥ 8 bước cho mỗi tính năng
 - TGC (bù trừ khuếch đại thời gian): ≥ 8 thanh điều khiển trượt
 - LGC (điều khiển khuếch đại nghiêng): ≥ 8 góc
 - Dải động: $\leq 40 - \geq 90$ dB
 - Bản đồ thang xám: ≥ 10 loại
 - AGC: ≥ 8 bước
 - Hiển thị Gamma: ≥ 4 loại
 - Có thể quét hình thang
 - Có chức năng lái tia mode B
 - Có thể xử lý thích ứng hình ảnh
 - Có thể giảm tiếng vang thấp
 - Có thể nâng cao thang xám
 - Có thể giảm nhiễu trường gần
 - Tự động tối ưu hóa (độ khuếch đại)
 - Giảm nhiễu âm: 8 bước
- Đặc tính kỹ thuật Mode M**
- Phương pháp hiển thị: thanh chuyển động hoặc tương đương

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ quét: 300, 200, 133.3, 100, 66.7, 50, 40 mm/giây - Độ khuếch đại: B-Gain $\geq \pm 30$ dB - Dải động: $\leq 40 - \geq 90$ dB - AGC: ≥ 8 bước - Có thể giảm nhiễu âm, và tiếng vang thấp - Có thể nâng cao thanh xám Đặc tính kỹ thuật cho phổ Doppler - Có thể tự động tìm viết Doppler thời gian thực - Có thể hiển thị công suất phổ - Phương pháp Doppler: Tối thiểu có <ul style="list-style-type: none"> - Doppler xung - Doppler tần số lặp xung cao - Doppler đôi - Doppler sóng liên tục - Tần số so sánh: Tối thiểu 3 tần số PW: 1.9, 2.0, 2.1, 2.5, 3.0, 3.2, 3.3, 3.5, 3.8, 4.0, 4.3, 5.0, 7.5, 8.6, MHz CW: 1.8, 2.0, 2.1, 3.0, 3.3, 3.8, 5.0 MHz - Tỷ lệ phân tích <ul style="list-style-type: none"> - $PW \leq 0.05$ đến ≥ 40kHz - $CW \leq 1.1$ đến ≥ 40kHz - Dịch chuyển đường cơ bản: Điều chỉnh khi dừng hình và thời gian thực - Lái tia CW Doppler: Có thể (phụ thuộc vào đầu dò) - Quét tuyến tính lái: Cực đại $\geq \pm 30$ độ (tùy thuộc đầu dò), có thể thay đổi mỗi bước 5 độ. - Có thể tự điều chỉnh góc, đảo chiều phổ, hiệu chỉnh góc - Thẻ tích lấy mẫu cho PW Doppler: $\leq 0.5 - \geq 20$mm 				

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tinh năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		 <ul style="list-style-type: none"> - Có thể lọc chuyển động vách - Khuyếch đại Doppler: $\geq 60\text{dB}$ - Có thể tăng cường âm dội, giảm tiếng vang thấp - Có thể nâng cao thanh âm - Tự động tối ưu hóa khuếch đại, dải vận tốc, dịch chuyển đường cơ bản - Âm thanh ra đầu ra ≥ 2 kênh <p>Đặc tính kỹ thuật Doppler màu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước vùng màu: Thay đổi liên tục - Tự động tối ưu (tối ưu hóa độ khuếch đại) <p><u>Chế độ dòng chảy màu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước vùng màu thay đổi liên tục - Mật độ dòng: ≥ 8 bước - Quét tuyến tính hướng $\geq \pm$ độ, thay đổi 5 độ mỗi mức - Mẫu hiển thị: tốc độ (do thay đổi tần số Doppler), vận tốc + phương sai, phương sai, vận tốc + cường độ, vận tốc + phương sai + cường độ - Tần số tham khảo (có thể lựa chọn): 1.9, 2.0, 2.1, 2.5, 3.0, 3.2, 3.3, 3.5, 3.8, 4.0, 4.3, 5.0, 6.0, 7.5, 8.6 MHz - Tần số xung lặp lại: ≤ 0.05 đến ≥ 19.0 KHz - ≥ 125 mức vận tốc (đỏ và xanh dương), - 60 mức phương sai (xanh lá) - Phân cực màu: bình thường, đảo ngược - Làm nhẵn: ≥ 5 bước - Lọc thành vách: ≥ 6 bước - Có thể giảm chuyển động vách - Giữ màu: ≥ 8 bước - Dung lượng gói: ≥ 3 mức 				


TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<ul style="list-style-type: none"> - Dịch chuyển đường màu cơ bản: vận tốc gấp đôi ($\geq \pm 125$ bước) - Mã màu: ≥ 15 loại - Tăng cường TGC: ≥ 2 loại <p><u>Doppler năng lượng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu hiển thị: Dòng chảy màu năng lượng năng lượng, dòng chảy màu năng lượng theo hướng - Phân mức: ≥ 250 mức - Mã màu: ≥ 15 loại - Có thể không hiển thị hình ảnh trắng đen trong ROI - Làm nhẵn: ≥ 5 mức <p><u>Dòng chảy màu độ phân giải cao</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu hiển thị: dòng chảy màu độ phân giải cao, Dòng chảy màu độ phân giải cao theo hướng - Tần số xung lặp: ≤ 0.05 đến ≥ 19.0 kHz - Cấp độ: ≥ 250 mức (± 125 mức cho định hướng) - Mã màu: ≥ 15 loại - Giảm dịch chuyển thành vách nâng cao - Làm nhẵn: ≥ 5 mức - Hình ảnh Doppler mô: có sẵn <p><u>Điều khiển bằng tay: có bảng điều khiển</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm và hiển thị vòng lặp (Kiểu B): có thể hiển thị pha thời gian của điện tim - Dung lượng: Kiểu B: tối đa ≥ 63500 khung hình Kiểu M và D: tối đa khoảng ≥ 900 giây <p><i>Quản lý dữ liệu</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dữ liệu hình ảnh: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Định dạng <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh đa khung hình (ảnh động) 				

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		 <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh khung đơn (ảnh tĩnh) - Chế độ thu nhận hình ảnh - Thu nhận đa khung ảnh trong thời gian thực (thô, hình ảnh) - Truyền dữ liệu tốc độ vòng cao (thô, hình ảnh) - Có thể đồng thời lưu dữ liệu ảnh tĩnh vào bộ nhớ và in ra chi bằng 1 nút ấn 1.3. Công cụ quản lý dữ liệu hình ảnh Xem hình ảnh: <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị theo kiểu thumbnail các hình ảnh đã lưu (1-36 hình ảnh) - Kiểm tra đánh dấu trên các hình ảnh được chuyển đi - Phòng đại hình ảnh, quay hình, đảo hình - Xem lại 1:1 - Lưu lại, chuyển dữ liệu - Có thể điều chỉnh tái dựng hình ảnh dữ liệu thô 2. Dữ liệu đo lường: có thể lưu dữ liệu tính toán trong ổ cứng của máy chính 3. Dữ liệu bệnh nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin bệnh nhân: ID ($60 \geq$ ký tự), tên (≥ 60 ký tự, bao gồm tên lót), sinh nhật, giới tính, tuổi, chiều cao, cân nặng, nghề nghiệp - Thông tin nghiên cứu: ID quá trình, ID nghiên cứu, accession, bác sĩ giới thiệu, bác sĩ báo cáo 4. Lưu trữ dữ liệu <ul style="list-style-type: none"> - Ổ cứng máy chính: ≥ 500 GB (có thể nâng cấp tới $\geq 1TB$) - Bộ nhớ USB - Ổ cứng USB - DVD-RAM, CD-R, DVD-R 				

Handwritten signature


TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<p>- Giao diện mạng (định dạng DICOM): 1000baseT, 100baseTX hoặc 10baseT (đôi tự động)</p> <p>- Thư mục mạng</p> <p>5. <i>Kết nối mạng</i></p> <p>6. Bảo mật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng bảo mật người dùng - Có thể chọn ≥ 3 loại bảo mật <p>7. Có thể tạo file hướng dẫn.</p> <p><u>ĐO ĐẠC VÀ PHÂN TÍCH</u></p> <p><u>Các phép đo cơ bản</u></p> <p><u>Trên hình ảnh kiểu B:</u></p> <p>Đo khoảng cách, Vết - khoảng cách, Đo diện tích/ chu vi, Đo thể tích, Góc xương hông (Hip J angle), Biểu đồ, Góc, Chỉ số B</p> <p><u>Trên hình ảnh kiểu M:</u></p> <p>Độ dài, Thời gian, Đo nhịp tim, Đo vận tốc, Chỉ số M</p> <p><u>Trên hình ảnh phổ Doppler:</u></p> <p>Vận tốc, Gia tốc, Chỉ số trở kháng, Thời gian, P1/2T, Nhịp tim, D. Caliper, Chỉ số D (Caliper), Chỉ số D (Vết), Vận tốc trung bình, Chỉ số xung, Vết D, Lưu lượng dòng hẹp, Lưu lượng dòng ngược, Vết Doppler tự động thời gian thực</p> <p><u>Trên hình ảnh kiểu B/D: dòng máu</u></p> <p>Phép đo sản khoa</p> <p>Hỗ trợ đa thai</p> <p>Chức năng phân tích phát triển (hiển thị dữ liệu đo trước đây)</p> <p><u>Kiểu B:</u> Tuổi thai, Trọng lượng thai, Tỷ lệ, AFI (chỉ số nước ối), Túi AF/AFV, MVP, CTAR/CTR, Độ dài cổ tử cung, tự động đo NT</p>				

Handwritten signature

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tình năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		 <p> <u>Kiểu M:</u> Tỷ lệ nhịp tim thai, chức năng LV <u>Kiểu D:</u> dòng máu Phương pháp đo tiết niệu <u>Kiểu B:</u> Khối lượng PSA, Khối lượng lát PRS, Bảng quang <u>Kiểu D:</u> Động mạch thận Phân tích tim <u>Kiểu B:</u> - Đo thể tích LV (M.Simpson, Area-length, Pombo, Teichholz, Gibson, Bullet, BP-ellipse, Simpson) Có thể tự động theo dõi khoảng tim. (Phương pháp 3 điểm hoặc hoàn toàn tự động) Có thể sử dụng phương pháp đo tự động - Các phép đo diện tích van (AVA, MVA) LA / AO - Tỷ lệ - Các phép đo tâm thất phải - Khối lượng cơ tim LV - Các phép đo âm lượng LA / RA Có thể theo dõi khoảng tim tự động (Phương pháp 3 điểm hoặc hoàn toàn tự động) - Các phép đo FAC - Các phép đo IVC (tính mạch chủ dưới) <u>Kiểu M:</u> - Pombo (vách) / Teichholz (vách) /Gibson (vách) - Các phép đo van 2 lá, van 3 lá, van động mạch phổi - Phép đo LA/AO, IVC - Do TAPSE <u>Kiểu Doppler</u> - Lưu lượng dòng chảy thất trái, thất phải </p>				

Handwritten signature or initials at the bottom right of the page.


TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tỉnh năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy qua van hai lá - Dòng trào ngược, Dòng co hẹp - Lưu lượng thể tích (MR) - Phép đo PISA - Lưu lượng tĩnh mạch phổi, mạch vành - TDI PW - mạch vành - Đánh giá không đồng bộ <p>Phân tích mạch máu</p> <p><u>Động mạch cảnh:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - CCA (động mạch cảnh chung) - ICA (động mạch cảnh trong) - ECA (động mạch cảnh ngoài) - BIFUR (chỗ rẽ nhánh của động mạch cảnh) - VERT (Động mạch đốt sống) - % khu vực hẹp - % Đường kính vùng hẹp - Phép đo IMT (Chiều dày màng trong mạch) <p><u>Đo lường động mạch trong chi:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng động mạch chi dưới - Lưu lượng động mạch chi trên - Tỷ lệ hẹp: - % Diện tích hẹp - % Đường kính vùng hẹp <p><u>Đo lường tĩnh mạch trong chi</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng tĩnh mạch chi dưới - Lưu lượng tĩnh mạch chi trên <p><u>Doppler xuyên sọ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo lưu lượng máu xuyên sọ <p>Phép đo bụng</p>				

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tình năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	 <p>Kiểu B: Túi mật, ống mật chủ, gan, tuyến tụy, thận, lá lách, phép đo tồn thương chiếm không gian, đường kính mạch máu, phân trầm hẹp. Kiểu D: Động mạch, động mạch thận, tĩnh mạch công, mạch máu nổi tắt</p> <p>Phép đo các bộ phận nhỏ</p> <p>Kiểu B: Đo lường tồn thương, khoảng cách núm vú - khối u, thể tích tuyến giáp, độ dày eo tuyến giáp</p> <p><u>Kiểu D</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phép đo động mạch - Phép đo lường tự động IMT + Có thể tách tự động IMT max, IMT min và IMT mean bằng cài đặt ROI (vùng lưu ý) trên trục nhìn dài của mạch. Độ dày ở 3 điểm, tức điểm tới đa tại IMT max, và điểm bên phải và trái cách IMT max 1cm có thể bị phát hiện tự động và lấy trung bình. <p>Các chức năng báo cáo: Về sản khoa, phụ khoa, chức năng tim, mạch... Có thể kiểm tra lịch sử của mỗi báo cáo.</p> <p>Thông số kỹ thuật đầu dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò Convex thăm khám bụng tổng quát <p>Góc quét: ≥ 70 độ</p> <p>Dải tần số: $\geq 5.0 - \leq 1.0$Mhz</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò Linear thăm khám mạch máu, mạch ngoài vi, tuyến giáp, ví <p>Độ rộng quét: ≥ 35mm</p> <p>Dải tần số: $\geq 12.0 - \leq 2.00$Mhz hoặc rộng hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò siêu âm tim người lớn <p>Góc quét: ≥ 90 độ</p> <p>Dải tần số: $\geq 5.0 - \leq 1.0$Mhz</p>					


th

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Máy X-quang C-arm	<p>Máy tính để bàn nguyên bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ xử lý Intel Core ≥ i7 3,0 GHz hoặc tương đương - RAM: ≥ 8GB - Ổ cứng: ≥ 500GB - Màn hình chính: ≥ 27 inch - Ổ đĩa quang: DVD - Phụ kiện: Chuột, bàn phím, dây nguồn - Hệ điều hành Window bản quyền - Bộ bàn ghế máy tính <p>Máy in đen trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - In khổ giấy A4, tốc độ in ≥ 10 trang/phút - Bộ lưu điện online ≥ 1kVA <p>Máy in phun màu: Tốc độ in ≥ 14 trang/phút</p> <p>a) Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2022 trở về sau - Chất lượng: Mới 100% - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ 10 – 35°C; Độ ẩm 30 -75% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, các giấy tờ hải quan <p>b) Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cánh tay C: 01 Hệ thống - Hệ thống chuẩn trực: 01 Hệ thống - Bộ phát/Ổng phát tia X-quang: 01 bộ - Bâu tăng sáng hình ảnh X-quang: 01 bộ - Xe đẩy với màn hình cảm ứng: 01 bộ - Định vị Laser: 01 bộ - Phần mềm: 01 gói 	Hệ thống	01	1.764.000.000	1.764.000.000

Handwritten signature or mark.

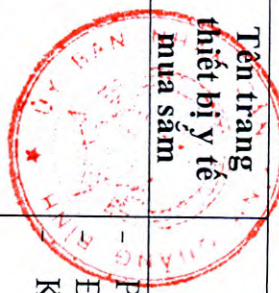
TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<p>Tính năng thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy in nhiệt: 01 chiếc - Bộ phụ kiện: 02 bộ (áo chì, yếm chì). <p>c) Tính năng kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống cánh tay C <ul style="list-style-type: none"> - Có phanh cơ khí - Chuyển động theo quỹ đạo: ≤ -40 độ đến $\geq +90$ độ - Tạo góc: Tới thiểu ± 190 độ - Độ sâu thâm nhập: ≥ 73cm - Phạm vi khớp xoay: $\pm 12,5$ độ - Di chuyển theo phương dọc: ≥ 40cm - Chuyển động theo phương ngang: ≥ 20cm - Khoảng cách từ bóng tới bộ nhận ảnh: ≥ 99cm - Không gian tự do: ≥ 78cm 2. Hệ thống chuẩn trực <ul style="list-style-type: none"> - Ống chuẩn trực màn chắn nhiều lá chạy bằng động cơ 3. Bộ nguồn/Ống phát tia X-quang <p>Bộ nguồn cao tần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất đầu ra tới đa: 2,5 kW trở lên - Tần số điều khiển bộ biến tần: Tối đa 54 KHz - Phạm vi kV: 40 kV đến 110 kV - Cường độ dòng ở chế độ ảnh đơn: <ul style="list-style-type: none"> • $\leq 0,65$ mA đến ≥ 18 mA ở chế độ thường • $\leq 1,35$ mA đến $\geq 25,69$ mA ở chế độ tương phản - Cường độ dòng ở chế độ chiếu tăng sáng liên tục: <ul style="list-style-type: none"> • $\leq 0,2$ mA đến $\geq 5,5$ mA ở chế độ thường • $\leq 0,4$ mA đến $\geq 7,9$ mA ở chế độ tương phản cao - Cường độ dòng ở chế độ chiếu tăng sáng xung: 				


TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<ul style="list-style-type: none"> • $\leq 0,5$ mA đến ≥ 12 mA ở chế độ thường • $\leq 0,9$ mA đến $\geq 16,8$ mA ở chế độ tương phản cao • Độ rộng xung 17 ms, tốc độ khung hình 0,5; 1; 2; 4; 8; 12; 15 pps trong chế độ chiếu tăng sáng xung - Dễ dàng lựa chọn các mức công suất và liều tia phù hợp cho mỗi ứng dụng lâm sàng cùng với lựa chọn cơ quan <p>Ống phát tia X đơn với Anode cố định hai tiêu điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tản nhiệt anode: ≥ 40417 HU/phút - Khả năng trữ nhiệt của anode: ≥ 51000 HU - Góc anode quang học: ≥ 9 độ - Bộ lọc tích hợp: 2,5 mm Al với 75 kV - Bộ lọc bổ sung: 1 mm Al + 0,1 mm Cu - Khả năng lưu trữ nhiệt của ống phát tia (vật lý): ≥ 130000 HU - Tản nhiệt liên tục: ≥ 145 W ở 20 độ C - Thời gian chiếu tăng sáng không gián đoạn tối đa: 45 phút ở công suất 330W <p>4. Bộ tăng cường X-quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ men kim loại với tấm chắn kim loại Mu - Quang học điện tử chính xác với độ méo hình ảnh tối thiểu và độ phân giải cao nhất quán trên toàn bộ trường hình ảnh - Màn hình đầu vào Cesium-Iodide cho tạp âm lượng tử tối thiểu và độ phân giải tuyệt vời - Cửa sổ đầu và có độ trong suốt cao - Lưới chì: dòng 60 lp/cm, tỉ lệ 10:1 <p>5. Xe đẩy màn hình</p>				

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<p>Màn hình hiển thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng ITO $\geq 23,8$ inch LED, dùng trong y tế tương phản cao, màn hình tách màu có độ sáng cao - Hiển thị hình ảnh: Tối thiểu 1920 x 1080 pixels - Độ sáng tối đa: ≥ 500 cd/m² - Góc nhìn ngang/đọc: 89 độ / 89 độ - Độ tương phản: 1000: 1 - Góc nghiêng: ± 20 độ <p>Mô tả công kết nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổng kết nối USB: Cổng USB 2.0 cho trao đổi dữ liệu và sạc - Độ dài dây cáp nguồn: Tối thiểu 6 m - Độ dài cáp kết nối xe đẩy màn hình: Tối thiểu 5 m. <p>6. Dịch vụ lâm sàng</p> <p>Quản lý dữ liệu bệnh nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký bệnh nhân khẩn cấp - Quản lý dữ liệu nghiên cứu và hình ảnh - Lập kế hoạch bệnh nhân - Bảo cáo liệu tia bệnh nhân <p>Chuẩn bị thăm khám</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu có 7 chương trình cơ quan liên quan tới ứng dụng chuyên dụng <p>Thu nhận/xử lý hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - X-quang kỹ thuật số (thường và cản quang) - Chiếu tăng sáng (thường và cản quang) - Chiếu tăng sáng xung (thường và cản quang) - Chiếu tăng sáng nhi khoa (thường) 				

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đường cong X-quang kỹ thuật số và chiều tăng sáng theo ứng dụng cụ thể cho các chế độ hoạt động riêng - Điều chỉnh liều tia tự động - Kiểm soát liều tia ngoại trừ kim loại: Tự động và tối ưu hóa hình ảnh và liều tia - Kiểm soát liều tia độc lập với vị trí: Tự động tối ưu hóa hình ảnh và liều tia độc lập với vị trí đối tượng <p>7. Phần mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi và lưu trữ: Có tính năng gửi và lưu trữ hình ảnh, thông báo xác nhận đã lưu trữ hình ảnh - Dùng để in trong hệ thống mạng, trên máy in tương thích chuẩn với cỡ phim 8" x 10" & 14" x 17" <p>8. Hiện thị, xử lý hình ảnh</p> <p><i>Hiện thị ảnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ khung hình 16:9, tương ứng với ma trận 1920 x 1080, nội dung ảnh 960x960 pixels - Zoom kỹ thuật số, zoom I.I. - Xoay ảnh thời gian thực ± 360 độ - Đảo ngược ảnh theo phương ngang và phương dọc - Giữ lại cảnh cuối cùng – LIH <p><i>Xử lý ảnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ bảng tìm kiếm (Look-up Table) giúp tối ưu độ sáng và độ tương phản - Lọc tần số không gian giúp tăng cường hiển thị rõ cạnh - Giảm nhiễu <p><i>Chức năng văn bản/đồ họa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản: chú thích, bình luận hình ảnh <p>9. Máy in nhiệt</p>				

Handwritten signature or mark.

TT	Tên trang thiết bị y tế mua sắm	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		 Phương pháp in: In nhiệt trực tiếp Độ phân giải: Từ 325 dpi trở lên Kích thước giấy in: Độ rộng 210 mm					
I	Tổng kinh phí mua sắm hàng hóa:						3.038.000.000
II	Chi phí thẩm định giá						26.668.000
III	Tổng chi phí tư vấn và đăng mời thầu đấu thầu						21.230.000
	Tổng cộng:						3.085.898.000
Bằng chữ: Ba tỷ không trăm tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn./.							

- Lưu ý: Mức giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bảo trì tại nơi sử dụng và các loại thuế, phí theo quy định của Nhà nước./.




Phụ lục 2

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh)

T T	Tên gói thầu	* Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện HĐ
1	Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa	3.038.000.000	Ngân sách tỉnh năm 2023	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III Năm 2023	Trọn gói	90 ngày
2	Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT	15.400.000		Chi định thầu rút gọn		Quý III Năm 2023	Trọn gói	45 ngày
3	Chi phí tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	5.500.000		Chi định thầu rút gọn		Quý III Năm 2023	Trọn gói	40 ngày
Tổng giá trị thực hiện: 3.058.900.000 đồng. (Bằng chữ: Ba tỷ không trăm năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng)./.								

(Handwritten marks)